

Số: **35** /NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày **14** tháng 11 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách
nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ MƯỜI MỘT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc
gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm
2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình
mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền
vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh
thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025;*

*Thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh về chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân
sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu
quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

*Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển
nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 5 năm (2021-2025) thực hiện Tiểu dự
án 2 thuộc Dự án 1 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa
bàn tỉnh Đắk Lắk;*

Xét Tờ trình số 154/TTr-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình Dự thảo Nghị quyết cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 202/BC-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm (2021- 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo. UBND tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu tại các phụ lục)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Mười một thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Các Bộ: TC, KHĐT, LĐTBXH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC, LĐTBXH;
- TT. HĐND-UBND các huyện: M'Đrăk, Ea Súp;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thị Chiến Hòa

Phụ lục I

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 5 NĂM (2021-2025)
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**

(Kèm theo Nghị quyết số **35** /NQ-HĐND ngày **14** tháng **11** năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
		Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TỔNG CỘNG	666.404	606.404	60.000	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	541.404	491.404	50.000	Chi tiết tại PL II
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	440.717	396.717	44.000	
2	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	100.687	94.687	6.000	
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	125.000	115.000	10.000	Chi tiết tại PL II
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	100.000	94.000	6.000	
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	25.000	21.000	4.000	



Phụ lục II
CẬP NHẬT CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 05 NĂM (2021-2025)
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG
*(Kèm theo Nghị quyết số **35** /NQ-HĐND ngày **14** tháng **11** năm 2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk)*

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng														
STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện, cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	TỔNG CỘNG					667.054	606.404	60.000	650	-	666.404	606.404	60.000	
A	DỰ ÁN 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo					542.054	491.404	50.000	650	-	541.404	491.404	50.000	
I	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo					440.717	396.717	44.000	-	-	440.717	396.717	44.000	
1	Huyện Ea Súp					219.217	196.717	22.500	-	-	219.217	196.717	22.500	
1.1	Trường THPT Ea Rôk, huyện Ea Súp; Hạng mục: xây dựng mới 10 phòng học và nhà hiệu bộ	Xã Ea Rôk	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	(i) Xây dựng mới Nhà lớp học 10 phòng tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; (ii) Xây dựng mới nhà hiệu bộ tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; (iii) Mua sắm trang thiết bị kèm theo cho 10 phòng học và nhà hiệu bộ.	18.000	16.000	2.000	-	-	18.000	16.000	2.000	
1.2	Đường giao thông liên xã Ea Rôk đi xã Cư K'bang kết nối vào đường liên huyện Ea H'leo - Ea Súp	Xã Ea Rôk, Cư Kbang	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp V miền núi, kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài khoảng L=7,7km	32.000	29.000	3.000	-	-	32.000	29.000	3.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước		Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:			
							NSTW	NST			NSTW	NST		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1.3	Đường giao thông liên xã Ya Tờ Mốt đi xã Ia Rvê, huyện Ea Súp (Giai đoạn 2)	Xã Ya Tờ Mốt	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp IV miền núi, kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài khoảng L=3,718km.	24.217	21.717	2.500	-	-	24.217	21.717	2.500	
1.4	Đường giao thông liên xã Cư Kbang đi trung tâm cụm xã Ea Rôk, huyện Ea Súp	Xã Cư Kbang, Ea Rôk	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp V miền núi, kết cấu mặt đường cấp cao A1 BTXM, Chiều dài khoảng L=3,142km	12.000	11.000	1.000	-	-	12.000	11.000	1.000	
1.5	Đường giao thông từ trung tâm thị trấn Ea Súp đi tiểu khu 249, 265, 271 xã Ea Lê và xã Cư Mlân thuộc Công ty Lâm nghiệp Chư Ma Lanh, huyện Ea Súp	Xã Ea Lê, Cư Mlân	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp VI miền núi, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài khoảng L=10,968km	35.000	30.500	4.500	-	-	35.000	30.500	4.500	
1.6	Mở rộng, nâng cấp đường liên xã từ trung tâm thị trấn Ea Súp đi xã Ea Bung, huyện Ea Súp	Thị trấn Ea Súp, xã Ea Bung	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường giao thông cấp IV miền núi, Chiều dài khoảng L=3.611 m. Kết cấu mặt đường: (i) Đoạn từ Km0+7 đến Km0+513; Đoạn từ Km3+444 đến km3+611 kết cấu mặt đường BTXM; (ii) đoạn từ Km0+513 đến km3+449 kết cấu mặt đường bê tông nhựa chặt.	25.000	22.500	2.500	-	-	25.000	22.500	2.500	
1.7	Đường giao thông liên xã từ xã Ia Jloi đi xã Ia Lốp, huyện Ea Súp	Xã Ia Jloi, Ia Lốp	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường giao thông cấp IV miền núi, kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài khoảng L= 12,352km;	73.000	66.000	7.000	-	-	73.000	66.000	7.000	
2	Huyện M'Drăk					221.500	200.000	21.500	-	-	221.500	200.000	21.500	
2.1	Trường THPT Nguyễn Tất Thành, huyện M'Drăk; Hạng mục: Nhà đa chức năng, khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật	Thị trấn M'Drăk	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	(i) Nhà đa chức năng: Nhà tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng. (ii) Khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật	7.500	7.000	500	-	-	7.500	7.000	500	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện, cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2.2	Đường giao thông liên xã Ea Riêng đi xã Ea Lai (từ Trung tâm xã Ea Riêng đến thôn 6 xã Ea Lai), huyện M'Drắk	Xã Ea Riêng, Ea Lai	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp V miền núi, kết cấu mặt đường BTXM, Tổng chiều dài 02 tuyến L = 4,365 km;	17.000	15.000	2.000	-	-	17.000	15.000	2.000	
2.3	Đường giao thông liên xã Ea Lai đi xã Ea Riêng (Từ trung tâm xã Ea Lai đi thôn 3 xã Ea Riêng), huyện M'Drắk	Xã Ea Lai, Ea Riêng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp IV miền núi, kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài tuyến L=6,7km;	35.000	31.500	3.500	-	-	35.000	31.500	3.500	
2.4	Cầu và đường dẫn hai đầu cầu thuộc tuyến đường liên xã Cư K'rôa đi xã Ea Riêng (Lý trình tại Km5+965,18)	Xã Cư K'rôa	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Công trình giao thông cấp IV; (i) cầu: Cầu dầm BTCT chiều dài Ld=18m, Khổ cầu k=7,5m, bề rộng toàn cầu K=8,5m; (ii) đường dẫn 02 đầu cầu kết cấu mặt đường BTXM	12.000	11.000	1.000	-	-	12.000	11.000	1.000	
2.5	Đường vành đai từ xã Cư M'ta đi xã Krông Jing huyện M'Drắk	Xã Krông Jing, Thị trấn, Cư M'ta	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông đô thị cấp III, kết cấu mặt đường cấp cao A1 BTXM, Chiều dài tuyến khoảng L=4,223km;	44.500	40.500	4.000	-	-	44.500	40.500	4.000	
2.6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ buôn M'Gâm xã Krông Jing đi Tồ dân phố 2 thị trấn M'Drắk.	Xã Krông Jing và thị trấn M'Drắk	Ban QLDA ĐTXD huyện	2022-2024	Đường giao thông cấp III; kết cấu mặt đường bê tông nhựa; Chiều dài tuyến khoảng L=1,498km.	25.000	22.500	2.500	-	-	25.000	22.500	2.500	
2.7	Cầu và đường hai đầu cầu thuộc tuyến đường liên xã Ea Pil đi xã Cư Prao (Tại thôn 3 xã Ea Pil), huyện M'Drắk	Xã Ea Pil, xã Cư Prao	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	(i) Cầu: Cầu dầm BTCT DƯL Ld=(33+33)m; Chiều dài cầu khoảng L=66m, Bề rộng khổ cầu K=7,5m; bề rộng toàn cầu K=8,5m. (ii) Đường hai đầu cầu công trình giao thông cấp V miền núi; kết cấu mặt đường BTXM chiều dài khoảng L=2,763km.	36.000	32.500	3.500	-	-	36.000	32.500	3.500	
2.8	Đường giao thông liên xã Ea Lai đi xã Krông Jing (Từ thôn 8 xã Ea Lai đi Buôn Hoang xã Krông Jing), huyện M'Drắk	Xã Ea Lai xã Krông Jing	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường giao thông cấp V miền núi, kết cấu mặt đường BTXM, Chiều dài tuyến khoảng L=7,882km;	44.500	40.000	4.500	-	-	44.500	40.000	4.500	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước		Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:			
							NSTW	NST			NS cấp huyện, cấp xã	NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
II	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt					101.337	94.687	6.000	650	-	100.687	94.687	6.000	
1	Huyện M'Drắk					101.337	94.687	6.000	650	-	100.687	94.687	6.000	
1.1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Ea Trang đi Cư San, huyện M'Drắk	Xã Ea Trang và xã Cư San	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	Đường giao thông cấp V miền núi, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài tuyến khoảng L=13,973km.	79.900	75.450	4.000	450	-	79.450	75.450	4.000	
1.2	Cầu Buôn M'Bhao thuộc tuyến đường giao thông từ thị trấn M'Drắk đi xã Cư M'ta và xã Ea Riêng, huyện M'Drắk (lý trình tại km 0+680 - km0+836)	Xã Ea Riêng, xã Cư M'ta	Ban QLDA ĐTXD huyện	2023-2025	(i) Cầu: Cầu dầm BTCT DƯL Lđ=(25,7+25,7) m; Chiều dài toàn cầu tính đến đuôi móng khoảng L=68m, Bề rộng toàn cầu B=8,5m; BTXM vĩnh cửu; (ii) Đường hai đầu cầu công trình giao thông cấp IV; kết cấu mặt đường BTXM, chiều dài khoảng L=0,105km;	21.437	19.237	2.000	200	-	21.237	19.237	2.000	
B	DỰ ÁN 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					125.000	115.000	10.000	-	-	125.000	115.000	10.000	
I	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn					100.000	94.000	6.000	-	-	100.000	94.000	6.000	

DẤU ĐỎ

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện, cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2023-2025	1. Cơ sở 144 Phan Chu Trinh: (i) Hạng mục tháo dỡ: Nhà lớp học thực hành tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; Xưởng thực hành tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng; Nhà lớp học thực hành tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; Nhà tuyển sinh tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng; Nhà tuyển sinh lái xe A1 tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng. (ii) Hạng mục cải tạo, mở rộng: Mở rộng 01 nhà xe tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; Cải tạo 01 nhà xe tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; Hạ tầng kỹ thuật. (iii) Hạng mục xây mới: Nhà lớp học - Thư viện tiêu chuẩn cấp III, 05 tầng; Nhà để máy phát điện, máy bơm PCCC tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng (iv) Mua sắm trang thiết bị cho Nhà lớp học-Thư viện và trang thiết bị dạy nghề. 2. Cơ sở 01 Đinh Tiên Hoàng: (i) Hạng mục tháo dỡ: Nhà hiệu bộ tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; Kho để thiết bị tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng; Nhà lớp học thực hành tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng; Nhà hội trường D tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; Nhà căn tin tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; Nhà vệ sinh tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng. (ii) Hạng mục cải tạo, sửa chữa: Nhà lớp học-hiệu bộ tiêu chuẩn cấp III, 04 tầng; Nhà lớp học-Thư viện-hiệu bộ tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; Nhà hội trường C tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng; Nhà để xe tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng. (iii) Hạ tầng kỹ thuật. (iv) Mua sắm trang thiết bị cho Nhà lớp học-hiệu bộ 04 tầng; Nhà lớp học-thư viện-hiệu bộ 02 tầng và trang thiết bị dạy nghề.	44.900	41.900	3.000	-	44.900	41.900	3.000		
2	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở vật chất Trường Cao đẳng công nghệ Tây Nguyên (nay là Trường Cao đẳng Đắk Lắk)	Thành phố Buôn Ma Thuột	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2023-2025	(i) Hạng mục tháo dỡ: + Dãy nhà số 1: Nhà tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; + Dãy nhà số 2: Nhà tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; + Dãy nhà số 3: Nhà tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng; + Hạ tầng kỹ thuật: Tường rào khung sắt thoáng. (ii) Hạng mục cải tạo, nâng cấp: + Nhà xưởng thực hành số 1 tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; + Nhà xưởng thực hành số 4 tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; + Nhà xưởng thực hành số 5 tiêu chuẩn cấp III, 01 tầng; (iii) Hạng mục xây mới: + Nhà thi đấu đa năng: Nhà tiêu chuẩn cấp III, 02 tầng; + Hạ tầng kỹ thuật. (iv) Trang thiết bị cho Nhà thi đấu đa năng.	44.600	42.600	2.000	-	44.600	42.600	2.000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến					Kế hoạch vốn ĐTPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Ngân sách nhà nước			Nguồn huy động (nếu có)	Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó:		
							NSTW	NST	NS cấp huyện, cấp xã			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
3	Mua sắm trang thiết bị cho Trường Cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên (nay là Trường Cao đẳng Đắk Lắk)	Thành phố Buôn Ma Thuột	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2024-2025	Mua sắm trang thiết bị cho Trường Cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên (nay là Trường Cao đẳng Đắk Lắk)	10.500	9.500	1.000	-		10.500	9.500	1.000	
						25.000	21.000	4.000	-	-	25.000	21.000	4.000	
II	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững													
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng cơ sở dữ liệu; Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc	Tại các đơn vị trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; các huyện, thị xã thành phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2024-2025	"1. Tại các đơn vị trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, gồm: (i) Sân giao dịch việc làm tại trung tâm Dịch vụ việc làm, gồm: Thiết bị phục vụ người lao động; Mạng sản giao dịch trung tâm; Ghế phục vụ người lao động; Bảng led; Bộ âm thanh di động; Máy hút ẩm lọc không khí; Hệ thống xếp hàng tự động và đánh giá hài lòng; Thuê hệ thống mcu họp hội nghị trực tuyến; Thiết bị hội nghị trực tuyến phòng 1 (phòng họp nhiều ứng viên); Thiết bị hội nghị trực tuyến phòng 2 (phòng vấn từng ứng viên); Thiết bị hội trường tầng 3; Thiết bị phòng phỏng vấn tầng 2; Thiết bị hội trường tầng 1.... (ii) Sân giao dịch việc làm tại 02 chi nhánh, gồm: Thiết bị tại văn phòng giao dịch; Hội nghị trực tuyến; Mạng wifi; Nội thất tại chi nhánh. (iii) Nâng cấp website trung tâm dịch vụ việc làm; (iv) Nâng cấp phòng máy chủ, gồm: Hệ thống thiết bị; Thiết bị phụ trợ, lắp đặt. (v) Xây dựng phòng quay video phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền về chế độ, chính sách bảo hiểm thất nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động cho người lao động và doanh nghiệp. (vi) Hệ thống chống sét lan truyền cho tòa nhà và phòng máy chủ. (vii) Thiết bị khác. 2. Tại các huyện, thị xã thành phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, gồm: (i) Thiết bị văn phòng. (ii) Thiết bị mạng Core. (iii) Phòng HNTT huyện. (iv) Bàn ghế phòng họp trực tuyến.	25.000	21.000	4.000	-		25.000	21.000	4.000	